

**BẢNG KÊ CHI TIỀN SINH VIÊN KHÓA 13, 14, 15 VÀ 16 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Kèm theo Quyết định số: 427/QĐ-ĐHKH ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
1	NGUYỄN THU THẢO	19/08/1995	Toán học K13	14	14	8.86	3.79	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051896
2	LÀNH VĂN HÓA	11/05/1993	Vật lý K13	18	18	8.61	3.61	91	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220050313
3	TRẦN THỊ ÁNH HỒNG	21/06/1997	Hóa dược K13	14	14	8.54	3.57	94	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220052121
4	TRẦN THỊ THUY DUNG	28/03/1997	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K13	19	19	9.05	4.00	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220054842
5	KIỀU PHƯƠNG THẢO	24/05/1999	Hóa dược - K15	18	18	8.81	3.83	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220123880
6	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/11/1995	Khoa học Môi trường K13	19	19	8.70	3.79	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051578
7	TRẦN NGỌC SƠN	25/07/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường K13	16	16	9.24	4.00	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051040
8	SÂM MAI PHƯƠNG	5/16/1996	Quản lý tài nguyên và môi trường K13	16	16	8.89	3.75	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051004
9	HOÀNG THỊ ĐÀO	14/10/1998	Khoa học Môi trường - K14	24	24	7.41	2.92	91	Khá	610.000	3.050.000	8500220057545
10	HÀ THỊ HOA	06/10/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường - K14	18	18	8.00	3.22	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220062920
11	VŨ THỊ KHÁNH	02/09/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường - K14	18	18	7.53	2.78	83	Khá	610.000	3.050.000	8500220062942
12	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	16/04/1997	Công nghệ sinh học K13	15	15	8.84	4.00	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220050654
13	MA VĂN THIÊN	22/09/1998	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K14	19	19	8.72	3.89	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220062726
14	NGUYỄN TRÀ GIANG	14/10/1998	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K14	15	15	7.85	3.20	93	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220063003
15	TRẦN THỊ THUY LINH	18/10/1999	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K15	18	18	8.58	3.61	97	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220132034
16	TỬ ĐẠT CƯỜNG	15/09/2000	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K16	17	17	8.04	3.41	100	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220160131

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt đanh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
17	MAI THỊ YẾN	13/10/2000	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K16	17	17	8.24	3.41	90	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220160414
18	DỪNG THỊ HOA	10/05/1997	Công tác xã hội K13 - A	15	15	8.56	3.73	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220053494
19	TRƯƠNG THÚY NGÂN	15/01/1997	Công tác xã hội K13 - A	15	15	8.38	3.60	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220053068
20	TRIỆU THU HÀ	04/02/1997	Công tác xã hội K13 - B	15	15	8.61	3.60	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8305205031709
21	LÝ GA XỐ	03/12/1996	Công tác xã hội K13 - B	15	15	8.51	3.60	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220054258
22	PHẠM NHẬT HOÀNG	28/05/1994	Khoa học quản lý K13	21	21	8.68	3.81	97	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220054127
23	ĐÀM THỊ THU GIANG	26/03/1997	Khoa học quản lý K13	21	21	8.35	3.52	97	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220054110
24	LÔ VĂN MINH	03/11/1996	Khoa học quản lý K13	21	21	8.49	3.62	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220054133
25	TRẦN THỊ HƯƠNG THẢO	20/12/1997	Luật K13 - A	16	16	8.95	3.88	96	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220049865
26	BÙI ANH TUẤN	18/01/1997	Luật K13 - A	19	19	9.14	3.84	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220055375
27	LƯƠNG THỊ MY	16/01/1996	Luật K13 - B	21	21	8.76	3.76	92	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220049871
28	HỒ THỊ THU HUYỀN	02/07/1996	Luật K13 - B	18	18	8.73	3.67	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220050184
29	HOÀNG THỊ OANH	2/22/1997	Luật K13 - B	16	16	8.40	3.63	91	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220048182
30	BÙI THỊ KHÁNH LY	15/02/1995	Luật K13 - B	16	16	8.83	3.88	83	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220039080
31	NGUYỄN THỊ TRANG	01/11/1997	Luật K13 - C	21	21	8.91	3.76	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220055504
32	QUÁCH TIẾN MẠNH	21/12/1997	Luật K13 - C	21	21	8.60	3.67	88	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220049576
33	NGUYỄN HÀ MY	28/12/1997	Luật K13 - C	21	21	8.70	3.67	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220049820
34	HOÀNG VĂN TUẤN	10/04/1997	Luật K13 - C	16	16	8.64	3.63	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220048912
35	HOÀNG THỊ HẰNG	20/06/1995	Luật K13 - D	16	16	8.83	3.88	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8210205011810
36	LÔ VĂN THIỀU	04/03/1997	Luật K13 - D	23	23	8.37	3.70	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220048413
37	NGUYỄN THỊ HIỀN	03/08/1997	Luật K13 - D	18	18	8.68	3.67	88	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220049337

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
38	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	01/09/1996	Luật K13 - D	16	16	8.46	3.56	95	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220050103
39	NÔNG THỊ THU THẢO	16/08/1996	Công tác xã hội - K14	17	17	8.46	3.59	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220062749
40	HỨA THỊ UYÊN	26/02/1998	Công tác xã hội - K14	20	20	8.18	3.50	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220063662
41	LÝ THỊ ĐÔNG	05/09/1998	Công tác xã hội - K14	20	20	8.10	3.35	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220062811
42	HOÀNG THỊ TRANG	06/11/1998	Công tác xã hội - K14	20	20	8.40	3.35	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220062306
43	LƯƠNG THỊ CHUYÊN	23/05/1998	Công tác xã hội - K14	17	17	7.89	3.29	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220062291
44	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/08/1998	Khoa học quản lý - K14	20	20	8.42	3.45	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220076930
45	HÀ MINH HẠNH	27/05/1998	Khoa học quản lý - K14	20	20	8.36	3.40	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220061769
46	TRIỆU THỊ NGUYỆT THỦY	05/05/1987	Luật K14 - A	21	21	9.29	4.00	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220057312
47	LÝ HUỆ PHƯƠNG	06/08/1998	Luật K14 - A	19	19	8.88	4.00	96	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220057437
48	VƯƠNG NHẬT MINH	30/04/1998	Luật K14 - A	20	20	8.70	3.70	100	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220056883
49	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	07/07/1998	Luật K14 - B	22	22	8.57	3.68	97	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8506205089317
50	LÊ THỊ NGỌC LAN	28/11/1998	Luật K14 - B	19	19	8.33	3.53	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220059251
51	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	24/07/1998	Luật K14 - B	22	22	8.42	3.36	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500205122015
52	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/06/1997	Luật K14 - B	19	19	8.19	3.32	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8013205009188
53	LƯƠNG THỊ MAI	27/09/1997	Luật K14 - C	19	19	8.72	3.89	99	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220058758
54	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	27/02/1998	Luật K14 - C	19	19	8.85	3.84	92	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220059274
55	NGUYỄN THỊ HẢI	05/03/1998	Luật K14 - C	19	19	8.65	3.74	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220058633
56	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	21/07/1997	Luật K14 - D	19	19	8.52	3.74	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220062023
57	NGUYỄN HOÀNG YÊN	15/07/1998	Luật K14 - D	19	19	8.63	3.63	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220060454
58	HOÀNG THỦY NƯƠNG	26/08/1998	Luật K14 - D	19	19	8.44	3.53	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220063610

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
59	ĐẶNG THU HÀ	27/10/1998	Luật K14 - E	19	19	8.79	3.79	99	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220061230
60	BÊ THỊ NHA	13/10/1998	Luật K14 - E	19	19	8.30	3.63	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220061355
61	HOÀNG THỊ DÍ	03/03/1997	Luật K14 - E	19	19	8.31	3.58	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220061253
62	NGUYỄN THỊ DIỄN	06/08/1998	Luật K14 - E	19	19	8.30	3.58	99	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220061303
63	ĐINH THỊ HÀNG	03/12/1995	Luật K14 - F	19	19	8.84	3.79	99	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220077825
64	CHU THỊ THU HÀ	27/01/1998	Luật K14 - F	19	19	8.74	3.68	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220077116
65	DƯƠNG HOÀNG TỬ ANH	02/12/1997	Công tác xã hội - K15	21	21	8.32	3.43	83	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220120990
66	HOÀNG VĂN THÀNH	04/09/1999	Công tác xã hội - K15	21	21	8.17	3.38	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220121514
67	LÝ THỊ CHÍA	10/02/1999	Công tác xã hội - K15	14	14	8.20	3.36	90	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220121021
68	GIANG A TỬ	02/02/1999	Công tác xã hội - K15	21	21	8.17	3.29	93	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220121566
69	QUẢNG THỊ HOA	28/08/1999	Khoa học quản lí - K15	19	19	8.00	3.05	90	Khá	610.000	3.050.000	8500220124558
70	HOÀNG THỊ LINH	01/09/1999	Luật K15 - A	18	18	8.53	3.72	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220122625
71	BÙI TRƯỞNG SƠN	04/08/1999	Luật K15 - A	15	15	8.35	3.33	91	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220122806
72	KHÔNG THỊ HỒNG	06/12/1999	Luật K15 - A	18	18	8.30	3.28	91	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220122473
73	TẠ THỊ THỦY	11/02/1999	Luật K15 - A	18	18	8.34	3.28	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220122893
74	PHAN THỊ HƯỜNG	23/11/1996	Luật K15 - B	18	18	8.55	3.56	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220123345
75	NÔNG KIỀU DIỄM	01/04/1999	Luật K15 - B	22	22	8.43	3.55	97	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220123141
76	NGUYỄN HẢI HÀ	16/05/1999	Luật K15 - B	18	18	8.31	3.50	97	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220123208
77	SÙNG A LỬ	14/10/1998	Luật K15 - B	18	18	7.90	3.22	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220123401
78	BÙI THỊ HẢO	10/01/1999	Luật K15 - C	18	18	8.54	3.61	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220120528
79	LA THỊ HẠNH	24/08/1996	Luật K15 - C	18	18	8.56	3.50	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220131894

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
80	HỒ THỊ TÌNH	03/04/1999	Luật K15 - C	18	18	8.08	3.33	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220120869
81	SÙNG THỊ MÃ	06/08/1999	Luật K15 - C	18	18	7.88	3.11	83	Khá	610.000	3.050.000	8500220120636
82	MÙA THỊ XUÂN	28/11/1999	Luật K15 - D	15	15	8.31	3.47	92	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220120064
83	NGUYỄN ĐỨC	07/10/1999	Luật K15 - D	15	15	8.11	3.40	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220120245
84	QUÁCH DIỆU	24/07/1999	Luật K15 - D	15	15	8.05	3.20	97	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220120006
85	HOÀNG THỊ HẢO	24/06/1999	Công tác xã hội - K16	19	19	8.63	3.68	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220157449
86	VI THỊ LỆ	25/02/2000	Công tác xã hội - K16	15	15	8.40	3.40	94	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220157505
87	SINH THỊ DỪA	06/08/2000	Luật A - K16	22	22	8.55	3.64	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220162931
88	TRẦN THỊ THANH	02/04/2000	Luật A - K16	18	18	8.04	3.33	100	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220162954
89	LÂU A	13/08/2000	Luật A - K16	22	22	8.10	3.27	88	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220158890
90	NÔNG THỊ THU	13/10/1999	Luật A - K16	22	22	7.98	3.27		Giỏi	680.000	3.400.000	8500220158970
91	TRIỆU THỊ HẠNH	03/04/2000	Luật B - K16	22	22	8.95	3.86	94	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220159184
92	HOÀNG NGỌC	15/07/2000	Luật B - K16	22	22	8.58	3.82	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220159234
93	TRIỆU THỊ THỊN	20/05/2000	Luật B - K16	22	22	8.86	3.68	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220159467
94	DƯƠNG THỊ MÊN	14/09/2000	Luật C - K16	22	22	8.64	3.68	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220158730
95	NGUYỄN BẢO DUY	31/12/2000	Luật C - K16	22	22	8.68	3.68	94	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220159740
96	NGUYỄN THỊ THU	09/04/2000	Luật C - K16	22	22	8.70	3.68	90	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220160030
97	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	8/27/1996	Luật_ Hà Giang	16	16	8.94	3.88	81	Giỏi	680.000	3.400.000	8200205222321
98	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	12/23/1997	Luật_ Hà Giang	16	16	8.93	3.81	86	Giỏi	680.000	3.400.000	8200205140515
99	HOÀNG THỊ TÌNH	13/10/1996	Báo chí K13	18	18	8.27	3.50	81	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220052830
100	ĐỖ MINH	20/12/1996	Báo chí K13	18	18	8.29	3.33	87	Giỏi	680.000	3.400.000	8902205023316

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
101	TRIỆU THỊ HOÀNG VÂN	25/04/1997	Báo chí K13	18	18	8.08	3.33	83	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220052903
102	NGUYỄN THỊ YẾN	02/11/1995	Báo chí K13	14	14	8.30	3.29	80	Giỏi	680.000	3.400.000	102007007007
103	NGUYỄN THỊ HỒNG MƠ	27/06/1997	Văn học K13	14	14	8.86	4.00	97	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220050467
104	HÀ THANH THẢO	26/01/1998	Báo chí - K14	18	18	7.95	3.22	100	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220057840
105	ĐẶNG THỊ THỦY	24/06/1998	Báo chí - K14	18	18	7.83	3.17	96	Khá	610.000	3.050.000	8500220057784
106	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	26/03/1999	Báo chí - K15	16	16	7.69	2.81	96	Khá	610.000	3.050.000	8500220124410
107	LÝ HOÀNG THANH THỦY	23/02/2000	Báo chí - K16	16	16	7.66	3.19	87	Khá	610.000	3.050.000	8500220157353
108	NGUYỄN THU THẢO	01/08/1997	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	15	15	9.11	4.00	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051401
109	NGUYỄN THỊ THU	25/11/1997	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	15	15	9.15	4.00	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051424
110	TRƯƠNG VĂN HẢ	12/11/1997	Địa lý K13	21	21	8.07	3.24	96	Giỏi	680.000	3.400.000	8014205033598
111	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	22/09/1998	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	19	19	8.88	3.74	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220078805
112	TRIỆU THỊ TON	05/10/1998	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	19	19	8.55	3.68	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220078761
113	MẠCH QUỲNH HOA	25/07/1999	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K15	16	16	8.64	3.63	91	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220121810
114	TRĂNG VĂN LỢI	01/08/1999	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K15	16	16	8.24	3.63	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220121878
115	LƯU MINH LÝ	25/10/1999	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K15	16	16	8.51	3.63	92	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220121934
116	CHU THỊ HUỆ	01/02/2000	Du lịch - K16	18	18	8.87	3.83	89	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220157919
117	VỊ THỊ HẬU	03/04/2000	Du lịch - K16	14	14	8.59	3.79	93	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220157881
118	NGUYỄN THỊ THU THẢO	18/08/2000	Du lịch - K16	18	18	8.41	3.67	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220158130
119	LƯƠNG THỊ BẢO NGỌC	08/12/2000	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K16	14	14	8.63	3.79	95	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8707205097734
120	GIẢNG THỊ PÀ	25/01/2000	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K16	18	18	8.31	3.61	88	Giỏi	680.000	3.400.000	8203205033713
121	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	07/08/2000	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K16	18	18	8.36	3.50	98	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220160601

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Tổng Số TC	Tổng số TC TL	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Điểm rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/tháng	Tổng số tiền được lĩnh (5 tháng)	Số tài khoản Aribank
122	NGUYỄN THỊ CHINH	23/08/2000	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K16	14	14	8.20	3.43	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220160965
123	TRẦN THỊ KIM NGOC	02/09/2000	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K16	18	18	7.93	3.33	84	Giỏi	680.000	3.400.000	8500220161140
124	NGUYỄN THỊ THÙY TIỀN	22/02/1997	Lịch sử K13	16	16	8.91	4.00	98	Xuất sắc	750.000	3.750.000	8500220051707
Cộng											439.450.000	

Ấn định danh sách: 124 sinh viên (Trong đó: 7 sinh viên Khá, 59 sinh viên Giỏi, 58 sinh viên Xuất sắc)

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng

Người lập biểu


Trần Thị Tám

Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Hằng

Ngày 4 tháng 6 năm 2019
Hiệu trưởng

PGS.TS Nguyễn Văn Đăng

